

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/DS – ST
Ngày: 19/9/2017
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công.

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2017/TLST- HNGĐ ngày 03-5-2017 về “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST –DS ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố Q, phường E, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoài H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố Q, phường E, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-4-2017, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hoài H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24, quyền số 01/2004 ngày 10/6/2004.

Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc. Nhưng từ năm 2008 trở đi thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Thời gian đó bà T đang mang thai đứa con thứ hai thì bà phát hiện ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài. Bà đã vì con mà chịu đựng, khuyên nhủ ông H quay về với gia đình vợ con nhưng ông H không nghe. Bà đã sinh đứa con thứ hai và một mình nuôi hai con,

ông H không đoái hoài gì tới. Đến năm 2011 thì ông H bỏ nhà đi theo người phụ nữ đó cho đến nay không quay về nhà nữa. Bà cũng đã nhiều lần liên hệ tìm ông H nhưng không liên lạc được và không biết ông H đang ở đâu. Bà T đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả nên bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Hoài H mất tích. Ngày 30/03/2017 Tòa án đã mở phiên họp giải quyết và ban hành Quyết định số 03/2017/QĐST-VDS tuyên bố ông Trần Hoài H, sinh năm 1983, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích tổ 11, khu phố Q, phường E, thành phố B đã mất tích.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hoài H.

- Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông H có 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 29/12/2003 và Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 04/9/2008. Bà T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), vì từ khi ông H bỏ đi cho đến nay, hai cháu sống với bà. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T, ông H:

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông H nên Tòa án cũng đã tiến hành xác minh lại nơi cư trú của ông H. Ông Lê Tân H – Phó trưởng Công an phường E, thành phố B cung cấp ông Trần Hoài H, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đã không còn sinh sống tại địa phương từ năm 2011 cho đến nay. Hiện nay ông H đi đâu địa phương không nắm rõ. Vì khi đi ông H không báo cho địa phương biết cũng như không làm thủ tục chuyển khẩu, cắt khẩu theo quy định.

Ngoài ra, Tòa án cũng tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án nếu ông H có trở về địa phương thì sẽ được biết mà đến Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử (19/9/2017) ông Trần Hoài H vẫn không trở về nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật mà giải quyết yêu cầu của bà T

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông

ông Trần Hoài H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

-Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 29/12/2003 và Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 04/9/2008 cho bà T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, nuôi con chung : địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn trước khi bị Tòa án tuyên bố mất tích là tổ 11, khu phố Q, phường E , thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng với ông H từ năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà T cho rằng giữa bà và ông H đã không còn sống chung từ năm 2011 cho đến nay. Từ đó đến nay ông H không hề quay về thăm con, bà đã tìm mọi cách để tìm kiếm ông H nhưng không có kết quả. Ngày 30/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã ra Quyết định số 03/2017/QĐST-VDS tuyên bố ông Trần Hoài H mất tích theo yêu cầu của bà T. Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà T biết về hậu quả của việc ly hôn nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà và ông H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì thế Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2] **Về con chung:** Bà T, ông H có 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 29/12/2003 và Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 04/9/2008. Bà T có nguyện vọng

được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của hai cháu và từ khi ông H bỏ đi cho đến nay, hai cháu sống với bà T vì thế yêu cầu của bà T là hoàn toàn phù hợp nên cần công nhận.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung:** Bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] **Về án phí:**

Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 68 Bộ luật dân sự

- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Hoài H.

2. Về con chung: Theo nguyện vọng của các con: Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 29/12/2003 và Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 04/9/2008 cho bà T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hoài H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005026 ngày 27/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy bà T đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo

thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền

